

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYỄN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Hữu.

2. Bà Lãnh Thị Muôn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Lương Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Trương Văn H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Diệp Hảo - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Chị Lương Thị N, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã M, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Bà Hoàng Thị Hạnh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Trương Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H kết hôn với chị Lương Thị N từ ngày 06-12-2016, hôn nhân được tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 9-2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm làm ăn chung sống, mỗi người làm một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện tại, anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Trương Văn H khai vợ chồng có hai con chung là Trương Thanh T, sinh ngày 17-6-2017 và Trương Thanh L, sinh ngày 19-6-2020. Hiện nay, anh H và chị N đều đi làm công nhân nên gửi hai con cho bố mẹ anh H ở xóm Đ, xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng chăm sóc. Sau khi ly hôn, anh H yêu cầu mỗi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một con cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh H nuôi con nhỏ Trương Thanh L, chị N nuôi con lớn Trương Thanh T. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lương Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện, thủ tục kết hôn như anh H trình bày, chị N không có ý kiến gì thêm. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ngoại tình dẫn đến tình cảm rạn nứt, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện tại, chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H yêu cầu ly hôn, chị N đồng ý theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: Chị Lương Thị N xác nhận vợ chồng có hai con chung là Trương Thanh T, sinh ngày 17-6-2017 và Trương Thanh L, sinh ngày 19-6-2020. Hiện nay, hai con đang sống với anh H tại xóm Đ, xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Chị N không đồng ý với yêu cầu của anh H về việc nuôi con chung, chị N yêu cầu anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi đủ 18 tuổi, chị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 22-3-2023 tại xóm Đ, xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, bố mẹ đẻ của anh Trương Văn H là bà Ma Thị Luyến và ông

Trương Văn Nghị cho biết: Anh H đi làm công nhân ở Bắc Ninh, chị N đi làm công nhân ở Thái Nguyên. Trong thời gian hai vợ chồng đi làm thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà cũng không biết nguyên nhân mâu thuẫn là gì. Gia đình đã khuyên giải hai vợ chồng nhưng không được và kiên quyết ly hôn. Từ nhỏ anh H sống với bố mẹ, bản thân chưa tạo dựng được tài sản riêng gì. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng vẫn tiếp tục sống chung với bố mẹ và không có tài sản gì.

Ngày 21-4-2023, Tòa án mở phiên họp hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên họp, anh H và chị N thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể khắc phục được nên vợ chồng nhất trí thuận tình ly hôn. Về chia tài sản hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, hai vợ chồng không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, anh H yêu cầu mỗi người nuôi một con và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị N yêu cầu anh H trực tiếp nuôi cả hai con, chị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, anh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như tại phiên hòa giải. Chị N cũng giữ nguyên ý kiến như tại phiên hòa giải, không đồng ý nuôi con theo yêu cầu của anh H.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H: Anh H kết hôn với chị N năm 2016. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng đi làm công nhân không cùng chung sống. Tình cảm vợ chồng rạn nứt và dần phai nhạt. Hiện nay, anh H và chị N đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là không thể hàn gắn, khắc phục, chị N đồng ý ly hôn với anh H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn với chị N. Về tài sản chung và nợ chung anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung, anh H và chị N có hai con chung là Trương Thanh T và Trương Thanh L. Anh H không có đủ khả năng chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cho mỗi người nuôi một con, anh H nuôi con lớn là Trương Thanh T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N: Chị N và anh H kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H ngoại tình. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được. Nay chị N không còn tình cảm với anh H nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh H. Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Chị N đang làm công nhân ở xa, tăng ca thường xuyên, không có nhà, không có điều kiện để chăm con. Mặc khác, hiện nay các cháu đang sống ổn định với bố và ông bà nội, việc thay đổi người chăm sóc và môi trường sống, học tập sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển của các con nên chị N yêu cầu anh H nuôi cả hai con, chị N cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng/hai con.

Sau khi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N trình bày xong ý kiến bảo vệ, chị N bổ sung ý kiến: Chị N không cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu anh H nuôi cả hai con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Văn H. Giao cháu Trương Thanh L cho chị N chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Trương Thanh T cho anh H chăm sóc, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H, chị N thuộc trường hợp được miễn án phí và đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Anh H được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Anh Trương Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lương Thị N. Chị N có địa chỉ thường trú tại xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

[2] *Về nội dung vụ án:* Đối với quan hệ hôn nhân, chia tài sản, nợ chung, tại phiên hòa giải ngày 21-4-2023, các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau. Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến như tại phiên hòa giải, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên công bố tại phiên tòa phù hợp với sự thỏa thuận của đương sự nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự về quan hệ hôn nhân, chia tài sản và nợ chung.

Về con chung: Anh H và chị N xác nhận anh chị có hai con chung là Trương Thanh T, sinh ngày 17-6-2017 và Trương Thanh L, sinh ngày 19-6-2020. Anh H yêu cầu mỗi người nuôi một con, anh H nuôi con nhỏ Trương Thanh L, chị N nuôi con lớn Trương Thanh T. Chị N không đồng ý với yêu cầu của anh H, chị N yêu cầu anh H nuôi cả hai con, chị N không cấp dưỡng nuôi con chung. Theo biên bản xác minh ngày 22-3-2023, anh H không có tài sản riêng gì. Tại phiên tòa, chị Lương Thị N cũng xác nhận, trước và sau khi kết hôn, anh H không có tài sản riêng gì. Hội đồng xét xử xét thấy, hai vợ chồng đều làm công nhân, điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của anh H và chị N ngang nhau do đó giao cho mỗi người nuôi một con là phù hợp điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và phù hợp với điều kiện,

hoàn cảnh thực tế của các bên. Theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi do đó cần cháu Trương Thanh L cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu Trương Thanh T cho anh H nuôi dưỡng. Mỗi người nuôi một con nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Trường hợp cháu T đủ 18 tuổi mà phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng thì chị N có quyền yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] *Về án phí*: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm...*”. Anh H là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của anh Trương Văn H và chị Lương Thị N về quan hệ hôn nhân, chia tài sản và nợ chung cụ thể như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trương Văn H và chị Lương Thị N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2016 giữa Lương Thị N và Trương Văn Hòa do Ủy ban nhân dân xã M cấp ngày 06-12-2016 không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về chia tài sản*: Anh Trương Văn H và chị Lương Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về nợ chung*: Anh Trương Văn H và chị Lương Thị N không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuyên xử:

4. *Về con chung*: Giao cháu Trương Thanh T, sinh ngày 17-6-2017 cho anh H nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi. Giao cháu Trương Thanh L, sinh ngày 19-6-2020 cho chị N nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng

nuôi con. Trường hợp khi cháu T đủ 18 tuổi mà phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Anh H, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

5. *Về án phí:* Anh Trương Văn H được miễn án phí sơ thẩm và được hoàn trả 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001851 ngày 27-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

6. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã M;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Nguyệt Thu

